

TÍCH LŨY NGẮN HẠN

TÂM ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

Triển vọng tích cực của ngành Bán lẻ Trang sức cuối 2024 - 2025

Sự phục hồi tiêu dùng của tầng lớp thu nhập trung bình và cao ở Việt Nam: Trong trung và dài hạn, tầng lớp thu nhập trung bình sẽ ưa chuộng mua trang sức từ các thương hiệu uy tín, đặc biệt là phân khúc cao cấp và độc quyền thay vì các cửa hàng nhỏ lẻ không thương hiệu, vốn chiếm khoảng 67% thị phần trong năm 2022, theo Euromonitor.

Ngành trang sức đang bước vào mùa cao điểm khi mùa cưới đang diễn ra và lễ hội tết sắp đến khiến nhu cầu mua sắm tăng cao. Đồng thời, sự đổi mới mẫu mã sản phẩm phù hợp với thị hiếu người dùng góp phần thúc đẩy các doanh nghiệp trang sức kinh doanh thuận lợi hơn

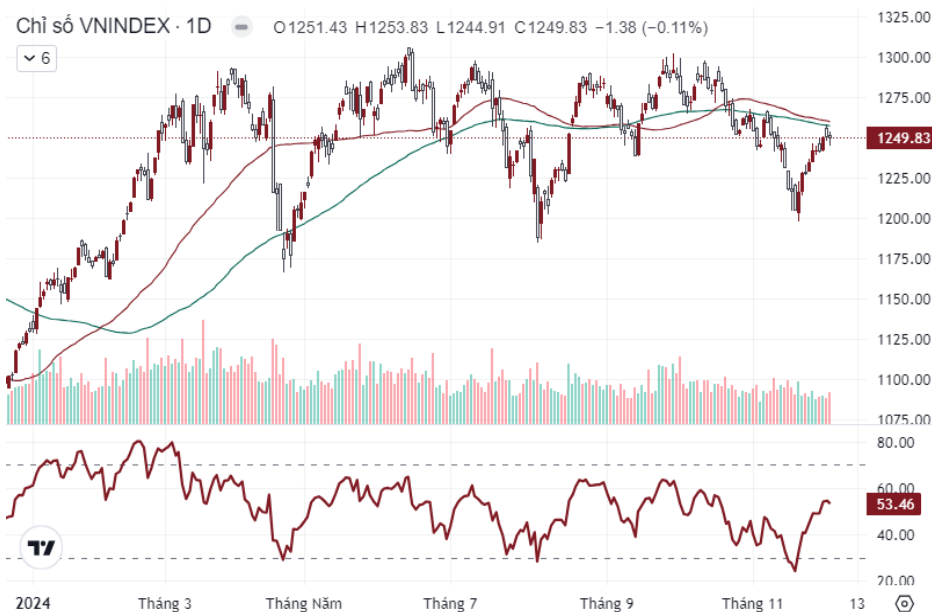
NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Xu hướng VN-INDEX ngắn hạn

VN-Index giảm 1,38 điểm trong phiên 03/12 kết phiên ở mức 1.249,83 điểm. Thanh khoản tăng 35,38% so với phiên giao dịch ngày 02/12. Khối ngoại tiếp tục bán ròng gần 226 tỷ đồng trên HOSE.

Thị trường khả năng tiếp tục tích lũy quanh vùng 1.240-1.260 trong phiên giao dịch ngày 04/12. Thị trường tiếp tục giao dịch tích lũy quanh mức 1.250 điểm, với thanh khoản cải thiện nhờ lực cầu mạnh mẽ ở vùng giá thấp. Tuy nhiên, áp lực bán ròng từ khối ngoại vẫn tiếp tục, khiến tâm lý nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn. Khi VN-Index tiến gần vùng 1.260-1.270, khu vực hội tụ các ngưỡng MA quan trọng và kháng cự trong quá khứ, khả năng rung lắc mạnh là điều cần chú ý. Dự báo VN-Index sẽ dao động trong biên độ 1.240-1.260, với các nhịp tăng giảm đan xen.

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



| Chỉ báo | RSI14 | MFI | MA10 | MA20 | MA50 | MA100 |
|-----------|-------|-------|----------|----------|----------|----------|
| Giá trị | 53,46 | 60,15 | 1.238,54 | 1.238,64 | 1.259,85 | 1.257,29 |
| Hành động | Mua | Mua | Mua | Mua | Quan sát | Quan sát |

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

PNJ

Khuyến nghị: **Mua**TP: **108.000 VND** | UPSIDE: **+15%**

Chiến lược hành động

MUA: NĐT tận dụng những nhịp rung lắc trong phiên để giải ngân từng phần ở những cổ phiếu thu hút được dòng tiền và dư địa tăng đáng kể từ vùng hỗ trợ.

BÁN: NĐT duy trì tỷ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu hơn thị trường chung để bảo vệ lợi nhuận, canh bán chốt lời một phần danh mục khi VN-Index tiến tới ngưỡng kháng cự 1.250 - 1.260 điểm.

Tổng quan thị trường

| Thị trường | Giá trị | %Δ |
|------------------|----------|--------|
| VN-Index | | |
| Đóng cửa | 1.249,83 | -0,11 |
| KLCP (triệu CP) | 673,40 | 35,38 |
| GTGD (tỷ VND) | 15.639 | 30,71 |
| Khớp lệnh | 11.468 | 20,47 |
| Thỏa thuận | 4.171 | 99,38 |
| HNX-Index | | |
| Đóng cửa | 225,29 | -0,01 |
| KLCP (triệu CP) | 52,43 | 36,44 |
| GTGD (tỷ VND) | 911,0 | 32,93 |
| UPCoM | | |
| Đóng cửa | 92,44 | 0,00 |
| KLCP (triệu CP) | 90,31 | -31,96 |
| GTGD (tỷ VND) | 625,04 | -52,10 |

Diễn biến TTCK Mỹ: Kết phiên giao dịch, S&P 500 tăng nhẹ 0,05%, trong khi Nasdaq tăng 0,4%. Cả hai chỉ số đều đóng cửa ở mức kỷ lục. Chỉ số Dow là chỉ số chậm nhất, với mức giảm 0,17%.

Thế giới: Theo số liệu từ Cục Thống kê Hàn Quốc công bố hôm 2/12, trong tháng 11/2024, giá tiêu dùng của Hàn Quốc - thước đo chính của lạm phát, đã tăng 1,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là tháng thứ ba liên tiếp giá tiêu dùng tăng thấp hơn mức mục tiêu 2% của Ngân hàng trung ương Hàn Quốc (BoK). Phóng viên TTXVN tại Seoul dẫn báo cáo của Cục Thống kê Hàn Quốc cho biết, giá tiêu dùng tháng 11 tiếp tục tăng từ mức tăng 1,3% hồi tháng 10 và gần chạm mức tăng 1,6% của tháng Chín. Tốc độ lạm phát tiêu dùng của Hàn Quốc tăng chậm hơn dự kiến và vẫn thấp hơn mục tiêu của BoK đưa ra, cho thấy giá cả cơ bản ổn định. Lạm phát tiêu dùng của Hàn Quốc đã duy trì ở mức dưới 3% kể từ tháng Tư và giảm xuống dưới mức mục tiêu là 2% lần đầu tiên vào tháng Chín.

Việt Nam: Thông tin từ Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (Vasep), xuất khẩu thủy sản tháng 11/2024 tuy chững lại nhẹ nhưng vẫn duy trì tăng trưởng ấn tượng với giá trị đạt 924 triệu USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2023. Tính lũy kế 11 tháng năm 2024 kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt gần 9,2 tỷ USD, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước. Về thị trường, Trung Quốc (bao gồm Hong Kong) đã vượt qua Mỹ vươn lên dẫn đầu trong các thị trường nhập khẩu thủy sản Việt Nam với mức tăng trưởng 61% trong tháng 11, nâng tổng kim ngạch nhập khẩu lũy kế 11 tháng lên hơn 1,7 tỷ USD, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước. Thị trường Mỹ cũng ghi nhận sự tăng trưởng tích cực 21% trong tháng 11, đạt 1,67 tỷ USD sau 11 tháng và dự báo sẽ tiếp tục khả quan trong tháng cuối năm trước khi chính quyền Mỹ có thể áp dụng các mức thuế mới.

Tỷ giá USD/VND: Tỷ giá tự do tăng lên mức 25.405.

Than: Giá hợp đồng tương lai than ở mức dưới 140 USD/tấn, mức thấp nhất kể từ tháng 7 trong bối cảnh nguồn cung dồi dào từ Trung Quốc và nguồn điện thay thế sẵn có hơn. Dữ liệu mới nhất cho thấy sản lượng than của Trung Quốc tăng 4,6% so với năm trước vào tháng 10 khi việc thanh tra an toàn tại các mỏ lớn kết thúc cho phép các nhà sản xuất tăng công suất. Ngoài ra, lượng mưa dồi dào tại khu vực Vân Nam của nước này đã làm tăng sản lượng thủy điện, chiếm thị phần lớn hơn trong sản lượng điện của các tiện ích.

HDB: Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM (HDBank) vừa thông báo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Cụ thể, ngân hàng sẽ phát hành 582,5 triệu cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện quyền là 20% (mỗi cổ đông nắm giữ 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 20 cổ phiếu mới). Ngày đăng ký cuối cùng hưởng quyền nhận cổ tức là 12/12/2024. Sau khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức, vốn điều lệ HDBank sẽ tăng thêm tối đa 5.825 tỷ đồng lên hơn 34.900 tỷ đồng. Qua đó giúp HDBank tiếp tục nằm trong nhóm các ngân hàng có vốn điều lệ lớn nhất hệ thống, các chỉ tiêu an toàn được đảm bảo và hiệu quả hoạt động cao. Về kết quả kinh doanh, lợi nhuận hợp nhất quý 3 của HDBank đạt 4.490 tỷ đồng, tăng 43% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng lợi nhuận đạt 12.655 tỷ đồng, tăng 47% và thực hiện 79,8% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

VOS: Tại Đại hội cổ đông bất thường năm 2024 của CTCP Vận tải biển Việt Nam - Vosco, cổ đông đã thông qua việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư tàu năm 2024 bao gồm 10 tàu. Cụ thể, Vosco đầu tư mua 2 tàu hàng rời cỡ Supramax, trọng tải 56.000 - 58.000 dwt đã qua sử dụng dưới 15 tuổi, đóng tại Nhật Bản/Hàn Quốc/Trung Quốc/Việt Nam/Philippines với giá mua tối đa 23 triệu USD/tàu. Đầu tư đóng mới 4 tàu cỡ Ultramax, trọng tải 62.000 - 66.000 dwt, đóng tại Nhật Bản/Hàn Quốc/Trung Quốc/Việt Nam, giá tối đa 40 triệu USD/tàu. Và đầu tư đóng mới 4 tàu dầu sản phẩm cỡ MR, trọng tải khoảng 50.000 dwt, đóng tại Nhật Bản/Hàn Quốc/Trung Quốc/Việt Nam với giá tối đa 52 triệu USD/tàu. Nguồn vốn đầu tư từ vốn vay và vốn tự có của doanh nghiệp với tỷ lệ tùy theo từng dự án.

Chứng khoán thế giới

| Thị trường | Điểm số | %Δ | YTD |
|------------|-----------|-------|-------|
| SP500 | 6.049,88 | 0,05 | 26,84 |
| DJIA | 44.705,53 | -0,17 | 18,62 |
| Nasdaq | 19.480,91 | 0,40 | 29,77 |
| Shanghai | 3.378,81 | 0,44 | 13,58 |
| Hang Seng | 19.746,32 | 1,00 | 15,83 |

Thị trường hàng hóa

| Chỉ số | Giá (USD) | %Δ | YTD |
|-----------|-----------|--------|--------|
| Vàng | 2.641,93 | 0,03 | 28,09 |
| Dầu WTI | 69,95 | 2,74 | -2,38 |
| Dầu Brent | 73,59 | 2,48 | -4,48 |
| Than | 136,00 | -2,09 | -7,10 |
| Đồng | 4,1395 | 1,15 | 6,67 |
| Quặng sắt | 594,14 | 479,99 | 335,68 |
| Thép | 459,64 | 0,25 | -16,62 |

Thị trường ngoại tệ

| Chỉ số | Giá (USD) | %Δ | YTD |
|---------|-----------|-------|-------|
| DXY | 106,37 | -0,02 | 4,92 |
| USD/JPY | 149,60 | -0,04 | 6,05 |
| USD/CNY | 7,2992 | 0,20 | 2,44 |
| EUR/USD | 1,0505 | 0,05 | -4,81 |
| GBP/USD | 1,2672 | 0,15 | -0,45 |

Top đột phá khối lượng (tỷ VND)

| Mã CP | Giá trị | Giá | %Δ |
|-------|---------|-------|-------|
| POW | 171,11 | 12,65 | 2,02 |
| HDB | 293,27 | 26,05 | 2,56 |
| BCG | 57,71 | 6,22 | -1,11 |
| HCM | 243,67 | 27,55 | -1,78 |
| ACB | 153,63 | 25,00 | -0,60 |

Top giá trị giao dịch (tỷ VND)

| Mã CP | Giá trị | Giá | %Δ |
|-------|---------|--------|-------|
| FPT | 735,96 | 145,00 | 1,97 |
| HPG | 424,18 | 27,00 | 0,37 |
| CTR | 331,82 | 125,00 | 5,22 |
| SSI | 305,19 | 24,30 | -0,61 |
| HDB | 293,27 | 26,05 | 2,56 |

PNJ

(HOSE)

| | |
|---------------------------|----------------------|
| Khuyến nghị | Mua |
| Giá hiện tại (03/12/2024) | 93.600 |
| Giá mục tiêu | 108.000 |
| Tiềm năng tăng trưởng | 15%-16% |
| Vùng mua | 92.800-93.500 |
| Ngưỡng cắt lỗ | <88.600 |

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Lũy kế 10 tháng đầu năm, PNJ thu về 32.371 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 23% so với cùng kỳ năm ngoái. PNJ báo lãi sau thuế 10 tháng đạt 1.600 tỷ đồng, tăng hơn 4% so với cùng kỳ. Với kết quả trên, PNJ đã hoàn thành 87% KH doanh thu và 77% KH lợi nhuận sau thuế.

Thương hiệu mạnh, vị thế dẫn đầu, mạng lưới bán lẻ mở rộng: Tính đến cuối tháng 10, PNJ có 421 cửa hàng trên toàn quốc, tăng 3 cửa hàng so với tháng trước. Từ đầu năm, công ty đã mở 32 cửa hàng mới và đóng 11 cửa hàng cũ. PNJ đang tập trung mở rộng mạng lưới cửa hàng, đặc biệt ở các tỉnh phía Bắc, nhằm tăng cường nhận diện thương hiệu và hướng tới trở thành nhà bán lẻ số 1 tại Việt Nam.

Mảng bán lẻ duy trì đà phục hồi kể từ đầu năm. Đóng góp lớn nhất vào doanh thu công ty với tỷ lệ 54,5%, mảng bán lẻ tăng 20,1% svck trong Q3 và 15,9% svck trong 9T2024. PNJ có kế hoạch giới thiệu một phân khúc sản phẩm mới là trang sức dành cho nam trong Q4/2024 và có thể sẽ mở rộng nếu kết quả thử nghiệm tích cực.

Tài chính lành mạnh và định giá ở mức khá thấp so với quá khứ: PNJ đang sở hữu tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn lên đến gần 2.400 tỷ đồng, chiếm khoảng 16% tổng tài sản. Nợ vay của doanh nghiệp cũng đang giảm xuống mức thấp giúp kỳ vọng cổ tức tiền mặt tăng lên và duy trì đều đặn

Tăng cường sự đổi mới sản phẩm thúc đẩy cải thiện biên lợi nhuận gộp: Việc liên tục đổi mới và cải tiến sản phẩm, như chuyển sang trang sức thời trang có giá trị gia tăng cao, giúp PNJ thu hút khách hàng và duy trì sự cạnh tranh. Hiện tại, PNJ đang nghiên cứu các sản phẩm mới với hàm lượng vàng thấp hơn nhưng vẫn đảm bảo độ bền, tinh xảo, và đáp ứng nhu cầu cơ bản của khách hàng về trang sức.

Thông tin doanh nghiệp

| | |
|-------------------------------|-------------------------|
| Phân ngành ICB L2 | Hàng cá nhân & gia dụng |
| Biến động giá 1Y | 76.540-108.640 |
| KLGBQ 10D (CP) | 551.170 |
| Vốn hóa (tỷ đồng) | 31.627,93 |
| BVPS | 31.146 |
| P/E (lần) | 15,47 |
| P/B (lần) | 2,98 |
| EPS (VND) | 6.050,17 |
| SL CPLH (triệu CP) | 337,91 |
| Tỷ lệ free-float (%) | 85,00 |
| Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%) | 49,00 |
| ROA (%) | 14,56 |
| ROE (%) | 19,40 |

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

PNJ đang tích cực lấy lại các mốc MA dài hạn, đồng thời các chỉ báo MFI, RSI đang tiến về vùng an toàn cho tín hiệu mua. Cần quan sát thêm diễn biến thị trường để có điểm mua phù hợp.



| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động |
|------------------|---------|-----------|
| Xu hướng ngày | - | Đi ngang |
| Xu hướng tuần | - | Đi ngang |
| Xu hướng tháng | - | Đi ngang |
| RSI 14 | 50,98 | Mua |
| MFI | 50,86 | Mua |
| MA10 | 93,17 | Mua |
| MA20 | 92,97 | Mua |
| MA50 | 94,31 | Quan sát |
| MA100 | 95,95 | Quan sát |

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | + / - |
|--------------------------|-------------|----------|-----------|----------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|
| Danh mục theo dõi | | | | | | | | | | |
| 1 | VRE | Theo dõi | 17,8-18,1 | | | 20.000 | 17.000 | | | |

Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

| | | | | | | | | | | |
|----|------------|---------|-----------|------------|---------|---------|---------|--|--|-------|
| 1 | LPB | Nắm giữ | 31,2-31,7 | 25/10/2024 | 31.700 | 35.000 | 29.850 | | | 7,1% |
| 2 | DGC | Nắm giữ | 106-108 | 06/11/2024 | 107.400 | 124.000 | 103.000 | | | 2,3% |
| 3 | MSN | Nắm giữ | 70,4-71,5 | 11/11/2024 | 71.300 | 79.000 | 67.400 | | | 2,0% |
| 4 | QNS | Nắm giữ | 48,6-49,0 | 18/11/2024 | 49.000 | 55.000 | 46.400 | | | 3,3% |
| 5 | PDR | Nắm giữ | 20,6-21,0 | 20/11/2024 | 19.900 | 24.000 | 19.800 | | | 4,0% |
| 6 | POW | Nắm giữ | 11,2-11,5 | 21/11/2024 | 11.300 | 13.000 | 11.000 | | | 11,9% |
| 7 | VHC | Nắm giữ | 72,6-73,4 | 21/11/2024 | 70.500 | 82.500 | 69.400 | | | 4,5% |
| 8 | CTG | Nắm giữ | 33,2-33,7 | 21/11/2024 | 33.600 | 36.800 | 31.900 | | | 6,8% |
| 9 | VOS | Nắm giữ | 14,1-14,8 | 25/11/2024 | 14.800 | 17.000 | 13.800 | | | 5,1% |
| 10 | VCG | Nắm giữ | 16,8-17,2 | 25/11/2024 | 17.500 | 19.300 | 16.100 | | | 1,1% |
| 11 | HPG | Nắm giữ | 25,6-26,0 | 25/11/2024 | 26.000 | 29.600 | 24.500 | | | 3,8% |
| 12 | VNM | Nắm giữ | 63,3-64,0 | 26/11/2024 | 64.400 | 72.200 | 60.500 | | | -0,8% |
| 13 | KBC | Nắm giữ | 27,1-27,6 | 27/11/2024 | 27.500 | 31.500 | 26.000 | | | 1,8% |
| 14 | CMG | Nắm giữ | 52,8-54 | 28/11/2024 | 53.800 | 63.800 | 50.700 | | | 8,4% |
| 15 | TNG | Nắm giữ | 24,7-25,0 | 02/12/2024 | 24.900 | 28.500 | 23.700 | | | 0,4% |
| 16 | CTD | Nắm giữ | 65,8-67,0 | 03/12/2024 | 66.500 | 76.000 | 63.100 | | | 0,6% |
| 17 | PLX | Nắm giữ | 39,2-40 | 03/12/2024 | 39.500 | 45.000 | 37.800 | | | 1,3% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | + / - |
|-----|-------------|----------|-------------|------------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|
| 1 | FPT | Chốt lời | 118,0-124,0 | 06/8/24 | 120.000 | 149.000 | 113.000 | 18/10/24 | 137.700 | 14,2% |
| 2 | QNS | Chốt lời | 47-47,7 | 23/9/2024 | 48.000 | 54.500 | 45.000 | 18/10/24 | 49.700 | 3,1% |
| 3 | PAN | Chốt lời | 23,4-23,6 | 04/10/2024 | 23.000 | 26.000 | 22.300 | 18/10/24 | 24.400 | 6,5% |
| 4 | DGW | Cắt lỗ | 45,0-46,0 | 17/10/2024 | 45.600 | 51.400 | 43.200 | 22/10/24 | 45.300 | -0,7% |
| 5 | VHC | Chốt lời | 69,5-70,3 | 09/10/2024 | 70.500 | 78.200 | 67.000 | 24/10/24 | 72.900 | 3,4% |
| 6 | KBC | Cắt lỗ | 27-27,6 | 18/10/2024 | 27.500 | 33.300 | 25.900 | 24/10/24 | 26.400 | -4,0% |
| 7 | CTD | Chốt lời | 63,2-64,2 | 21/10/2024 | 63.400 | 70.000 | 60.600 | 24/10/24 | 67.800 | 6,9% |
| 8 | SAB | Cắt lỗ | 55,6-57,2 | 26/9/2024 | 57.500 | 65.000 | 53.800 | 25/10/24 | 56.000 | -2,6% |
| 9 | IDC | Chốt lời | 55-55,7 | 23/10/2024 | 53.800 | 63.800 | 52.650 | 05/11/24 | 55.700 | 3,5% |
| 10 | HAH | Chốt lời | 41,2-42 | 28/10/2024 | 42.000 | 46.800 | 39.500 | 08/11/24 | 46.500 | 10,7% |
| 11 | MWG | Chốt lời | 63,1-63,7 | 16/10/2024 | 64.300 | 69.300 | 60.300 | 11/11/24 | 65.000 | 1,09% |
| 12 | VGI | Chốt lời | 69,0-72,0 | 06/11/2024 | 72.000 | 82.700 | 67.000 | 11/11/24 | 89.500 | 24,3% |
| 13 | TCB | Cắt lỗ | 24,2-24,6 | 17/10/2024 | 24.100 | 26.600 | 23.200 | 12/11/24 | 23.400 | -2,9% |
| 14 | SZC | Chốt lời | 37,6-38,3 | 23/10/2024 | 38.100 | 42.500 | 36.400 | 12/11/24 | 42.700 | 12,1% |
| 15 | HDG | Chốt lời | 26,0-27,0 | 06/11/2024 | 27.550 | 31.000 | 25.200 | 12/11/24 | 28.600 | 3,8% |
| 16 | VCI | Chốt lời | 35-35,5 | 31/10/2024 | 34.300 | 41.200 | 33.500 | 14/11/24 | 34.700 | 1,2% |
| 17 | DBC | Chốt lời | 27,4-28 | 31/10/2024 | 27.700 | 32.000 | 26.300 | 14/11/24 | 28.000 | 1,1% |
| 18 | NKG | Cắt lỗ | 20,8-21,2 | 08/11/2024 | 21.050 | 24.000 | 19.900 | 14/11/24 | 20.000 | -1,2% |
| 19 | DRI | Chốt lời | 11,8-12,0 | 21/11/2024 | 11.800 | 13.800 | 11.200 | 26/11/24 | 12.800 | 8,5% |
| 20 | DPM | Chốt lời | 34,3-34,7 | 11/11/2024 | 33.400 | 37.400 | 32.800 | 27/11/24 | 36.600 | 9,6% |

Email: research@lpbs.com.vn

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.